

Bản án số: 97/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 01-12-2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tùng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Công Gia và ông Nguyễn Quang Chung

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 396/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Bùi Thị T – sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp x (Ấp y cũ), xã T.L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

***- Bị đơn:*** Anh Lê Thanh D – sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp x (Ấp y cũ), xã T.L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

*(Chị T và anh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D kết hôn tự nguyện, có đăng ký ngày 09/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T.L, huyện Tân Phú. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau về kinh tế gia đình, anh D hay ghen vô cớ. Năm 2018, chị khởi kiện ly hôn nhưng đã rút yêu cầu để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên anh vẫn không thay đổi nên anh chị đã không còn chung sống từ đầu năm 2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn đối với anh.

- Về nuôi con: Chị T trình bày chị và anh D có con chung là Lê Bùi Thanh T – sinh ngày 06/9/2011. Chị đồng ý giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tạm thời chị chưa phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Chị T trình bày chị và anh D không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Thanh D trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh D và chị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký theo quy định của pháp luật. Anh thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn từ năm 2017 do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh có tính hay ghen nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh thừa nhận chị khởi kiện ly hôn vào năm 2018 nhưng đã rút yêu cầu để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ, tuy nhiên anh chị vẫn không thể hòa hợp nên đã không còn chung sống từ đầu năm 2020 đến nay. Anh nhận thấy tình cảm vẫn còn nên chị yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý.

- Về nuôi con: Anh D thừa nhận anh và chị T có con chung là Lê Bùi Thanh T – sinh ngày 06/9/2011. Trường hợp cho ly hôn, anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tạm thời chưa yêu cầu chị phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Anh D trình bày anh và chị T không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị T. Về hôn nhân: Cho chị T được ly hôn với anh D. Về con chung: Giao cho anh D trực tiếp nuôi con chung, tạm thời chị T chưa phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản: Anh chị trình bày không có tài sản chung và có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn anh Lê Thanh D có nơi cư trú tại xã T.L, huyện Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Bùi Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh D, tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng

dân sự; xác định tư cách đương sự chị T là nguyên đơn và anh D là bị đơn, được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Các đương sự vắng mặt tại phiên hòa giải nhưng có đơn giải quyết vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các đương sự có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T.L, huyện Tân Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 19/4/2012. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Chị T trình bày anh chị có xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cự cãi, nghi ngờ lẫn nhau. Từ đầu năm 2020 đến nay, anh chị đã không còn chung sống, đã nói chuyện để tự hòa giải nhưng không thành. Anh D trình bày thừa nhận anh chị có mâu thuẫn nhưng còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn, tuy nhiên bản thân anh cũng không thể hiện và đưa ra được những cơ sở, cách thức để các bên có thể đoàn tụ. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác cũng thể hiện phù hợp với lời khai của các đương sự.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, chị T và anh D đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về nuôi con: Chị T và anh D trình bày thỏa thuận giao cho anh trực tiếp nuôi cháu Lê Bùi Thanh T – sinh ngày 06/9/2011, tạm thời chị chưa phải cấp dưỡng cho con. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về nuôi con chung tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác thể hiện: Từ sau khi anh chị không còn chung sống đầu năm 2020, con chung đang do anh D trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân anh có trách nhiệm chăm sóc và nghề nghiệp ổn định đủ khả năng nuôi dưỡng. Đối với các cháu Tường là con đủ 07 (bảy) tuổi trở lên có nguyện vọng muốn ở với anh D. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận về nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng cho con của các đương sự có cơ sở để ghi nhận.

- Về tài sản: Chị T và anh D trình bày anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 11, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T.

- Về hôn nhân: Cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Lê Thanh D.

- Về nuôi con: Giao cho anh Lê Thanh D trực tiếp nuôi con chung là Lê Bùi Thanh T – sinh ngày 06/9/2011, tạm thời chị T chưa phải cấp dưỡng cho con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: Chị Bùi Thị T và anh Lê Thanh D trình bày anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

**2.** Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003667 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

**3.** Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**4.** Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tân Phú;
  - Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
  - Các đương sự (để thi hành);
  - UBND xã T.L (Số 25, ngày 19/4/2012)
- để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thanh Tùng**